

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020**

---

**Tháng 08 năm 2020**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 35

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaincon, số 5 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Thế Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Thành	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Chí Cường	Thành viên
Bà Trần Thị Minh	Thành viên
Ông Đỗ Chí Nguyễn	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Chí Cường	Tổng Giám đốc (Thời nhiệm vụ Tổng Giám đốc ngày 15/8/2020)
Ông Đỗ Chí Nguyễn	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/8/2020)
Ông Chu Tuấn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (Mất ngày 17/3/2020)
Ông Tạ Đăng Tín	Phó Tổng Giám đốc

#### Người đại diện pháp luật

Ông Đỗ Chí Nguyễn được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc từ ngày 15/8/2020 và là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty thay ông Hoàng Chí Cường.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tổng Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  
Tòa nhà Vinaincon, số 5 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Đỗ Chí Nguyễn**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2020



Số: 310/VACO/BCSX.NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các Chủ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 20/8/2020, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (gọi chung là "Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ").

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2020, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và báo cáo soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019 đã được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán số 459/2020/BCKT-BCTCTH/CPA VIETNAM ngày 14/4/2020 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và báo cáo soát xét số 748/2019/BCSX-BCTCTH/CPA VIETNAM ngày 28/8/2019 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.



---

**Nguyễn Đức Tiến**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2020*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>529.936.746.911</b>	<b>529.757.520.547</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.223.545.676</b>	<b>5.492.360.321</b>
1. Tiền	111	4	6.223.545.676	5.492.360.321
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>447.562.991.800</b>	<b>455.204.437.145</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	105.561.730.321	124.245.738.819
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	40.090.430.763	34.972.470.887
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	366.727.062.436	360.802.459.159
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(64.816.231.720)	(64.816.231.720)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>72.655.183.586</b>	<b>66.471.829.928</b>
1. Hàng tồn kho	141		72.731.743.586	66.548.389.928
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(76.560.000)	(76.560.000)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.495.025.849</b>	<b>2.588.893.153</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	105.790.423	39.434.500
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.917.704.190	909.438.919
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.471.531.236	1.640.019.734
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>350.459.329.321</b>	<b>350.646.264.392</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.086.339.728</b>	<b>7.171.165.781</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	7.056.688.235	7.133.042.273
- Nguyên giá	222		33.011.397.454	32.323.667.031
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.954.709.219)	(25.190.624.758)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	29.651.493	38.123.508
- Nguyên giá	228		901.595.557	901.595.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(871.944.064)	(863.472.049)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>329.924.555.659</b>	<b>329.924.555.659</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		473.305.672.855	473.305.672.855
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		54.263.592.152	54.263.592.152
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.883.043.675	28.883.043.675
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(226.527.753.023)	(226.527.753.023)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.448.433.934</b>	<b>13.550.542.952</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	13.448.433.934	13.550.542.952
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>880.396.076.232</b>	<b>880.403.784.939</b>





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020	01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>173.556.035.102</b>	<b>181.378.301.413</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>172.105.077.635</b>	<b>179.264.638.508</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	70.860.805.014	81.433.163.685
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	13.170.006.240	11.291.655.976
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.217.879.785	1.933.428.025
4. Phải trả người lao động	314		4.415.753.052	6.191.797.471
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	6.100.627.218	8.457.157.461
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	45.900.038.449	46.380.344.034
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	17.108.005.895	13.263.949.874
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.331.961.982	10.313.141.982
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.450.957.467</b>	<b>2.113.662.905</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	48.000.000	48.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.402.957.467	2.065.662.905
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>706.840.041.130</b>	<b>699.025.483.526</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>706.840.041.130</b>	<b>699.025.483.526</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		550.000.000.000	550.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		550.000.000.000	550.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi tiền tệ	417		348.064.676	50.365.544
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		156.491.976.454	148.975.117.982
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		146.003.117.983	131.891.038.893
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.488.858.471	17.084.079.089
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>880.396.076.232</b>	<b>880.403.784.939</b>

  
 Trần Ngọc Tâm  
 Người lập biểu

  
 Đặng Quang Cường  
 Trưởng ban Tài chính Kế toán



  
 Đỗ Chí Nguyễn  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		31.420.139.500	206.155.432.537
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (10 = 01 - 02)	10	22	31.420.139.500	206.155.432.537
4. Giá vốn hàng bán	11	23	27.933.310.812	196.295.596.162
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	20		3.486.828.688	9.859.836.375
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	19.128.398.698	17.402.280.561
7. Chi phí tài chính	22	25	26.701.644	90.246.575
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	26.701.644	90.246.575
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	14.650.265.794	12.930.354.106
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		7.938.259.948	14.241.516.255
11. Thu nhập khác	31	28	2.609.643.638	214.878.113
12. Chi phí khác	32	29	59.045.115	882.759.871
13. <b>Lợi nhuận khác</b> (40 = 31 - 32)	40		2.550.598.523	(667.881.758)
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	50		10.488.858.471	13.573.634.497
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	-	-
16. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51)	60		10.488.858.471	13.573.634.497

Trần Ngọc Tâm  
 Người lập biểu

Đặng Quang Cường  
 Trưởng ban Tài chính Kế toán



Đỗ Chí Nguyễn  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2020



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020</b>	<b>Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.488.858.471	13.573.634.497
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.374.387.169	1.381.639.341
Các khoản dự phòng	03	(662.705.438)	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	297.699.132	50.196.248
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(19.177.508.698)	(17.402.280.561)
Chi phí lãi vay	06	26.701.644	90.246.575
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(7.652.567.720)	(2.306.563.900)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	22.259.880.984	(35.623.746.666)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(6.183.353.658)	(11.953.240.918)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.022.436.893)	34.491.005.927
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	35.753.095	168.599.219
Tiền lãi vay đã trả	14	(26.701.644)	(90.246.575)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(953.180.000)	(1.448.706.589)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(5.542.605.836)</b>	<b>(16.762.899.502)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.289.224.309)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	49.110.000	106.708.405
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.669.849.479	3.780.824.420
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.429.735.170</b>	<b>3.887.532.825</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	17.014.366.180	62.520.279.203
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(13.170.310.159)	(29.877.084.018)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.844.056.021</b>	<b>32.643.195.185</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>731.185.355</b>	<b>19.767.828.508</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5.492.360.321</b>	<b>22.829.670.518</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>6.223.545.676</b>	<b>42.597.499.026</b>

Trần Ngọc Tâm  
 Người lập biểu

Đặng Quang Cường  
 Trưởng ban Tài chính Kế toán



Đỗ Chí Nguyễn  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2020



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (“Tổng Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), được thành lập theo Quyết định số 63/1998/QĐ-BCN ngày 22/09/1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Tổng Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần theo Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 10/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100779365 đăng ký lần đầu ngày 21/10/1998 và thay đổi lần thứ 7 ngày 19/08/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại tòa nhà Vinaincon, số 5 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 550.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2020 là 126 người (tại ngày 01/01/2020 là 150 người).

**Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng thạch cao; Cát tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Xây dựng công trình công ích; Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Sản xuất hóa chất cơ bản (trừ hóa chất nhà nước cấm); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Các ngành nghề kinh doanh khác đã quy định cụ thể tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Không có hoạt động đặc biệt nào của Tổng Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Lắp đặt hệ thống điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Bắc Giang	100,00%	100,00%	Sản xuất sản phẩm cơ khí
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Thái Nguyên	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	TP. Hà Nội	71,42%	71,42%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	TP. Hà Nội	52,15%	52,15%	Thi công, xây lắp công trình
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%	Xuất khẩu lao động
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VINAINCON	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%	Đầu tư, khai thác và kinh doanh khoáng sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Thi công, xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Xây dựng nhà các loại
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang	An Giang	50,69%	50,69%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon	Hải Dương	20,00%	20,00%	Sản xuất cốt điện và cọc bê tông ly tâm
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Vinaincon	TP. Hà Nội	41,18%	41,18%	Đầu tư và khai thác các công trình về năng lượng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	TP. Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây dựng nhà để ở
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới Vinaincon	TP. Hà Nội	27,99%	27,99%	Xây dựng nhà các loại
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	TP. Hà Nội	27,37%	27,37%	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp
Công ty Cổ phần Khai thác Đá vôi Quang Sơn	Thái Nguyên	25,00%	25,00%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	Sản xuất các cấu kiện kim loại
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	TP. Hà Nội	20,70%	20,70%	Tư vấn và xây lắp

Tại ngày 30/06/2020, các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Tình hình
1	Văn phòng Tổng Công ty	Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội	Đang hoạt động
2	Trung tâm Xuất nhập khẩu và Dịch vụ vật tư kỹ thuật - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội	Tạm ngừng hoạt động
3	Chi nhánh Miền Nam - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 22 - Lý Tự Trọng - Phường Bến Nghé - Quận 1- Tp HCM	Đang hoạt động
4	Chi nhánh Campuchia - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	10EF6, st.206+211, Sangkat vealvong, Khan 7makara, Phnomphenh, Cambodia	Đang hoạt động
5	Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng vật tư thiết bị - Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội	Đang hoạt động
6	Chi nhánh Myanmar - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 01, Tòa nhà số 33, Shwe Ohn Pin Housing 2, đường Yan Shin, thị xã Yan Kin, Yangon, Myanmar	Đang hoạt động

**2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương  
lịch. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỨC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá, ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Cơ sở lập báo cáo tài chính chuyển đổi**

Chi nhánh ở nước ngoài sử dụng đồng tiền làm đơn vị tiền tệ kế toán không phải Đồng Việt Nam. Ban Giám đốc Chi nhánh cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán như vậy là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Chi nhánh. Cho mục đích cộng hợp báo cáo tổng hợp này và để công bố báo cáo theo luật định tại Việt Nam, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 được lập không phải Đồng Việt Nam sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ngân hàng trung ương Myanmar tại ngày lập báo cáo (Tỷ giá VND/MMK=17) đối với Chi nhánh Myanmar, tỷ giá mua chuyển khoản tại ngày lập báo cáo (Tỷ giá VND/USD=23.110) đối với chi nhánh Campuchia;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ngân hàng trung ương Myanmar tại ngày lập báo cáo (Tỷ giá VND/MMK=17), tỷ giá mua chuyển khoản tại ngày lập báo cáo (Tỷ giá VND/USD=23.110) đối với chi nhánh Campuchia.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

##### ***Đầu tư vốn vào các đơn vị khác***

Đầu tư vốn vào các đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

##### ***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### ***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### ***Các khoản chi phí trả trước***

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ: Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí tương ứng doanh thu chưa thực hiện và các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty trong một năm (đối với chi phí trả trước ngắn hạn) và từ một năm trở lên (đối với chi phí trả trước dài hạn).

Giá trị quyền sử dụng đất theo phương án cổ phần hóa: Giá trị quyền sử dụng đất tại số 5 Láng Hạ phải nộp theo phương án cổ phần hóa Tổng Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác: Được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm: Phần mềm quản lý trang web, phần mềm quản lý nhân sự và quản lý kho, phần mềm điện tử BKAV.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 3 năm.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính về số tiền phải trả theo các phương án và kế hoạch được phê duyệt.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của kỳ báo cáo. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của kỳ Báo cáo; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	Công ty con
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VINAINCON	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	Công ty con
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng VINAINCON	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khai thác Đá vôi Quang Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới VINAINCON	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt
Bộ Công thương	Cổ đông chi phối

**4. TIỀN**

	<u>30/6/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	362.392.454	3.517.032.983
Tiền gửi ngân hàng	5.861.153.222	1.975.327.338
	<u>6.223.545.676</u>	<u>5.492.360.321</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	27.191.055.200	27.191.055.200
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	25.949.617.192	34.393.303.337
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.855.887.960	5.855.887.960
Công ty Mitsui Engineering & Shipbuiding	9.962.181.360	9.962.181.360
Công ty Cổ phần Khoáng sản và XD Bình Dương	-	4.200.375.704
Công ty GS E&C (HCMC MRT Line1 CP2)	2.352.227.104	2.352.227.104
Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1	1.338.228.741	1.338.228.741
Công ty Cổ phần Dệt may Sài Gòn	10.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Công nghiệp Hoàng Sơn	8.899.267.173	8.899.267.173
Công ty Cổ phần thép Thái Bình	2.564.880.468	2.564.880.468
Công ty TNHH Number One Hậu Giang	1.653.920.151	-
Các đối tượng khác	9.794.464.972	12.488.331.772
	<b><u>105.561.730.321</u></b>	<b><u>124.245.738.819</u></b>
<b>b. Trong đó phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 32)	<b>503.740.544</b>	<b>2.092.290.898</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	8.485.617.811	8.485.617.811
Công ty Cổ phần Xây dựng 203	4.102.173.574	4.102.173.574
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon	4.712.579.331	4.712.579.331
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đông Anh	3.022.433.220	3.022.433.220
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại LEPRO VN	2.250.182.909	2.250.182.909
Công ty Cổ phần Quảng Bích	580.119.862	580.119.862
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Tòa nhà An Thịnh	1.616.747.570	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	1.429.971.884	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ Minh Thành	2.320.032.500	949.260.000
Công ty Cổ phần TMDV TVTK ĐTXD CTGT Đạt Hiệp Thành	1.497.040.000	500.000.000
Các đối tượng khác	10.073.532.102	10.370.104.180
	<b><u>40.090.430.763</u></b>	<b><u>34.972.470.887</u></b>
<b>b. Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 32)	<b>15.242.500.976</b>	<b>14.213.016.808</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**7. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	7.236.279.984	5.745.627.571
Ký cược, ký quỹ	112.500.000	112.500.000
Phải thu khác	359.378.282.452	354.944.331.588
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất</i>	<i>6.009.300.844</i>	<i>5.973.401.860</i>
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất</i>	<i>13.844.892.847</i>	<i>13.844.892.847</i>
<i>Công ty TNHH MTV Hóa chất Hà Bắc</i>	<i>3.114.860.245</i>	<i>3.114.860.245</i>
<i>Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn (i)</i>	<i>319.917.275.046</i>	<i>321.595.040.951</i>
<i>Công ty CP Xây lắp &amp; SX công nghiệp - CIPC</i>	<i>4.521.058.913</i>	<i>4.482.262.913</i>
<i>Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Vinaincon</i>	<i>917.781.318</i>	<i>1.567.191.318</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>11.053.113.239</i>	<i>4.366.681.454</i>
	<b>366.727.062.436</b>	<b>360.802.459.159</b>
<b>b. Trong đó phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>356.966.622.004</b>	<b>352.458.083.404</b>
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 32)		

**Ghi chú:**

- (i) Số phải thu của Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn chủ yếu là khoản do Tổng Công ty trả nợ thay khoản vay dài hạn đầu tư dự án Nhà máy Xi măng Thái Nguyên cho Ngân hàng BNP Paribas.

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	27.191.055.200	27.191.055.200	27.191.055.200	27.191.055.200
Công ty Mitsui Engineering & Shipbuiding	9.962.181.360	4.981.090.680	9.962.181.360	4.981.090.680
Công ty CP Xây dựng 203	4.102.173.574	4.102.173.574	4.102.173.574	4.102.173.574
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đông Anh	3.022.433.220	3.022.433.220	3.022.433.220	3.022.433.220
Công ty TNHH LAVIMONT Việt Nam	2.778.463.119	2.778.462.664	2.778.463.119	2.778.462.664
Công ty CP XD và Thương mại LEPRO VN	2.250.182.909	2.250.182.909	2.250.182.909	2.250.182.909
Công ty CP Công nghệ AMEC	1.983.613.753	1.983.613.753	1.983.613.753	1.983.613.753
Công ty TNHH Công nghiệp Hoàng Sơn	8.899.267.173	8.899.267.173	8.899.267.173	8.899.267.173
Công ty CP Xây dựng Trường Sơn	1.042.250.000	1.042.250.000	700.000.000	700.000.000
Tổng Công ty khoáng sản Việt Nam	695.608.279	695.608.279	695.608.279	695.608.279
Đối tượng khác	8.271.563.169	7.870.094.268	8.613.813.169	8.212.344.268
	<b>70.198.791.756</b>	<b>64.816.231.720</b>	<b>70.198.791.756</b>	<b>64.816.231.720</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.922.642.438	(76.560.000)	1.887.286.308	(76.560.000)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	69.809.101.148	-	64.661.103.620	-
	<b>72.731.743.586</b>	<b>(76.560.000)</b>	<b>66.548.389.928</b>	<b>(76.560.000)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/6/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	91.765.423	39.434.500
Chi phí trả trước khác	14.025.000	-
	<u>105.790.423</u>	<u>39.434.500</u>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	47.213.934	52.418.809
Giá trị quyền sử dụng đất theo phương án cổ phần hóa (i)	13.401.220.000	13.401.220.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	96.904.143
	<u>13.448.433.934</u>	<u>13.550.542.952</u>

Ghi chú:

- (i) Giá trị quyền sử dụng đất tại số 5 Láng Hạ phải nộp theo phương án cổ phần hóa Tổng Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Theo đó, Tổng Công ty quyết định chọn hình thức giao đất và phải nộp khoản tiền thuế là 13.401.220.000 đồng để được cấp quyền sử dụng đất lâu dài. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty vẫn chưa được cấp quyền sử dụng đất và đang theo dõi chi phí trả trước tương ứng phải trả khác với số tiền là 13.401.220.000 đồng.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  
Tòa nhà Vinaincon, số 5 Láng Hạ, phường Thành Công  
Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**II. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2020	20.522.634.161	525.976.000	10.117.161.989	1.157.894.881	32.323.667.031
Mua sắm mới	-	-	1.289.224.309	-	1.289.224.309
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(601.493.886)	-	(601.493.886)
Phân loại lại	-	725.025.000	-	(725.025.000)	-
Tại ngày 30/6/2020	20.522.634.161	1.251.001.000	10.804.892.412	432.869.881	33.011.397.454
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2020	14.600.131.858	523.172.840	9.121.812.679	945.507.381	25.190.624.758
Khấu hao trong kỳ	865.873.971	75.305.660	424.398.716	-	1.365.578.347
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(601.493.886)	-	(601.493.886)
Phân loại lại	-	512.637.500	-	(512.637.500)	-
Tại ngày 30/6/2020	15.466.005.829	1.111.116.000	8.944.717.509	432.869.881	25.954.709.219
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2020	5.922.502.303	2.803.160	995.349.310	212.387.500	7.133.042.273
Tại ngày 30/6/2020	5.056.628.332	139.885.000	1.860.174.903	-	7.056.688.235

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/06/2020 là 9.620.910.341 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 7.666.337.788 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định mang đi thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30/6/2020 là 5.045.206.698 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 5.875.066.152 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>TSCĐ khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2020	<b>666.595.557</b>	<b>235.000.000</b>	<b>901.595.557</b>
Phân loại lại	235.000.000	(235.000.000)	-
Tại ngày 30/6/2020	<b>901.595.557</b>	-	<b>901.595.557</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2020	<b>628.472.049</b>	<b>235.000.000</b>	<b>863.472.049</b>
Khấu hao trong kỳ	8.808.822	-	8.808.822
Phân loại lại	235.000.000	(235.000.000)	-
Giảm khác	(336.807)	-	(336.807)
Tại ngày 30/6/2020	<b>871.944.064</b>	-	<b>871.944.064</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2020	<b>38.123.508</b>	-	<b>38.123.508</b>
Tại ngày 30/6/2020	<b>29.651.493</b>	-	<b>29.651.493</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/06/2020 là 833.820.000 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 730.720.000 đồng).



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tòa nhà Vinaincon, số 5 Láng Hạ, phường Thành Công  
Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**MÃ SỐ B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>473.305.672.855</b>	<b>(217.254.094.705)</b>	<b>473.305.672.855</b>	<b>(217.254.094.705)</b>
- <b>Đầu tư vào công ty con</b>				
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	70.000.000.000	-	70.000.000.000	(*)
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	90.000.000.000	-	90.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	24.386.208.045	-	24.386.208.045	(*)
Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng số 5	12.201.283.784	-	12.201.283.784	(*)
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang	15.278.557.273	-	15.278.557.273	(*)
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hoá chất	4.024.058.696	(4.024.058.696)	4.024.058.696	(*)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hoá chất Hà Bắc	10.000.000.000	(10.000.000.000)	10.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức	38.035.530.934	-	38.035.530.934	(*)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	2.792.888.482	-	2.792.888.482	(*)
Công ty Cổ phần Dầu tư và Khoáng sản VINAINCON	4.547.145.641	(1.205.722.853)	4.547.145.641	(*)
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	200.000.000.000	(200.000.000.000)	200.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	2.040.000.000	(2.024.313.156)	2.040.000.000	(*)
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	-	-	-	(*)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	54.263.592.152	(4.392.199.093)		54.263.592.152
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	6.208.620.000	-	(*)	6.208.620.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	14.300.768.318	-	(*)	14.300.768.318
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	13.208.342.264	-	(*)	13.208.342.264
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	6.634.922.757	-	(*)	6.634.922.757
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaicon	8.010.131.008	(3.910.849.866)	(*)	8.010.131.008
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng VINAINCON	742.806.389	(481.349.227)	(*)	742.806.389
Công ty Cổ phần Khai thác Đá vôi Quang Sơn	2.730.001.416	-	(*)	2.730.001.416
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới VINAINCON	2.428.000.000	-	(*)	2.428.000.000
- Đầu tư vào đơn vị khác	28.883.043.675	(4.881.459.225)		28.883.043.675
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Công nghiệp và Dân dụng	899.972.230	-	(*)	899.972.230
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Công nghiệp	4.123.185.470	-	(*)	4.123.185.470
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	10.032.000.000	-	(*)	10.032.000.000
Công ty Cổ phần Lắp máy và Xây dựng điện Miền Nam	779.612.900	-	(*)	779.612.900
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm phả	8.861.055.899	(4.837.597.400)	(*)	8.861.055.899
Công ty Cổ phần Thương mại Xây lắp Công nghiệp Thăng Long	2.086.292.176	-	(*)	2.086.292.176
Công ty CP Bao bì Sóng Công Cộng	2.100.925.000	(43.861.825)	(*)	2.100.925.000
<b>Cộng</b>	<b>556.452.308.682</b>	<b>(226.527.753.023)</b>		<b>556.452.308.682</b>
				<b>(4.881.459.225)</b>
				<b>(4.837.597.400)</b>
				<b>(43.861.825)</b>
				<b>(226.527.753.023)</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

**Thông tin khoản đầu tư**

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Lắp đặt hệ thống điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Bắc Giang	100,00%	100,00%	Sản xuất sản phẩm cơ khí
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Thái Nguyên	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh xi măng, clínke
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	TP. Hà Nội	71,42%	71,42%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	TP. Hà Nội	52,15%	52,15%	Thi công, xây lắp công trình
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%	Xuất khẩu lao động
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VINAINCON	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%	Đầu tư, khai thác và kinh doanh khoáng sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Thi công, xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Xây dựng nhà các loại
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang	An Giang	50,69%	50,69%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon	Hải Dương	20,00%	20,00%	Sản xuất cốt điện và cọc bê tông ly tâm
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Vinaincon	TP. Hà Nội	41,18%	41,18%	Đầu tư và khai thác các công trình về năng lượng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	TP. Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây dựng nhà ở
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới Vinaincon	TP. Hà Nội	27,99%	27,99%	Xây dựng nhà các loại
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	TP. Hà Nội	27,37%	27,37%	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp
Công ty Cổ phần Khai thác Đá với Quang Sơn	Thái Nguyên	25,00%	25,00%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	Sản xuất các cấu kiện kim loại
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	TP. Hà Nội	20,70%	20,70%	Tư vấn và xây lắp

Ghi chú:

(\*) Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**Tòa nhà Vinaincon, số 5 Láng Hạ, phường Thành Công  
Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Maksteel	7.047.655.000	7.047.655.000	7.047.655.000	7.047.655.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	6.337.342.780	6.337.342.780	6.473.783.028	6.473.783.028
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 18	3.452.129.000	3.452.129.000	3.452.129.000	3.452.129.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hoá chất	2.897.296.787	2.897.296.787	3.297.296.787	3.297.296.787
Công ty TNHH MTV Cơ khí hoá chất Hà Bắc	2.078.124.234	2.078.124.234	2.056.487.284	2.056.487.284
DONGJIN CO., LTD	1.009.353.589	1.009.353.589	1.009.353.589	1.009.353.589
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	11.879.657.708	11.879.657.708	17.563.479.851	17.563.479.851
Công ty CP Bê tông ly tâm Thủ Đức	5.971.248.800	5.971.248.800	-	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Bình Dương	4.395.928.900	4.395.928.900	2.930.946.150	2.930.946.150
Các đối tượng khác	25.792.068.216	25.792.068.216	37.602.032.996	37.602.032.996
	<b>70.860.805.014</b>	<b>70.860.805.014</b>	<b>81.433.163.685</b>	<b>81.433.163.685</b>
<b>b. Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 32)	<b>30.066.765.743</b>	<b>30.066.765.743</b>	<b>30.221.693.600</b>	<b>30.221.693.600</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	7.998.310.791	7.998.310.791
Công ty Cổ phần KCN Tín Nghĩa Phương Đông	4.839.100.000	2.339.100.000
Các đối tượng khác	332.595.449	954.245.185
	<b>13.170.006.240</b>	<b>11.291.655.976</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2020
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	825.000.000	-	-	825.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	310.633.719	168.488.498	-	142.145.221
Các khoản nộp tại nước ngoài	504.386.015	-	-	504.386.015
	<b>1.640.019.734</b>	<b>168.488.498</b>	-	<b>1.471.531.236</b>
<b>b. Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	250.099.147	963.186.788	719.922.204	493.363.731
Thuế thu nhập cá nhân	33.687.251	20.228.955	39.817.251	14.098.955
Các khoản nộp tại nước ngoài	987.947.004	60.775.472	-	1.048.722.476
Các khoản thuế khác	661.694.623	4.000.000	4.000.000	661.694.623
	<b>1.933.428.025</b>	<b>1.048.191.215</b>	<b>763.739.455</b>	<b>2.217.879.785</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình TBA 35/110 Trường Bành - Qùy Hợp	802.027.280	802.027.280
Trích trước chi phí công trình nhà máy điện gió Đào Phú Quý	1.033.369.146	1.033.369.146
Trích trước chi phí công trình ĐTXD Công viên Thiên niên kỷ	394.672.376	670.107.993
Trích trước chi phí thuê văn phòng	80.181.818	-
Chi phí phải trả khác	3.790.376.598	5.951.653.042
	<u><b>6.100.627.218</b></u>	<u><b>8.457.157.461</b></u>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/6/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	589.825.633	524.609.811
Bảo hiểm xã hội	1.161.527.252	402.610.526
Bảo hiểm y tế	5.046.660	6.523.605
Bảo hiểm thất nghiệp	2.803.700	4.166.405
Các khoản phải trả, phải nộp khác	44.140.835.204	45.442.433.687
- Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất (i)	8.955.861.916	9.638.164.545
- Phải nộp về quyền sử dụng đất theo phương án cổ phần hóa (ii)	13.401.220.000	13.401.220.000
- Khoản vay phải trả cho CBCNV	13.269.955.960	13.269.955.960
- Các đối tượng phải trả khác	8.513.797.328	9.133.093.182
	<u><b>45.900.038.449</b></u>	<u><b>46.380.344.034</b></u>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	48.000.000	48.000.000
	<u><b>48.000.000</b></u>	<u><b>48.000.000</b></u>
<b>c. Trong đó phải trả khác là các bên liên quan</b>	<u><b>8.965.132.437</b></u>	<u><b>9.638.164.545</b></u>

Ghi chú:

- (i) Phải trả Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất liên quan đến bù đắp cổ phần hóa doanh nghiệp.
- (ii) Giá trị quyền sử dụng đất tại số 5 Láng Hạ phải nộp theo phương án cổ phần hóa (xem Thuyết minh số 10).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>17.108.005.895</b>	<b>17.108.005.895</b>	<b>13.170.310.159</b>	<b>13.263.949.874</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 (i)	17.014.366.180	17.014.366.180	13.170.310.159	13.170.310.159
Vay cá nhân	93.639.715	93.639.715		93.639.715

**Ghi chú:**

(i) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 bao gồm 02 khoản vay theo các hợp đồng:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/534/HĐTDHM ngày 06/02/2020. Hạn mức tín dụng là 365.000.000.000 đồng, thời hạn đến 31/01/2021. Mục đích: cho vay ngắn hạn, mở L/C, phát hành bảo lãnh, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay và lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Số dư tại 30/06/2020 theo hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2020/534/HĐTDCT ngày 08/04/2020, số tiền 1.470.000.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày 08/02/2020. Mục đích vay để thực hiện thi công dự án Khu Công nghiệp Đất Cuốc. Lãi suất 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản trên đất tại Tòa nhà Vinaincon, số 5 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/8137625/HĐTDHM ngày 06/02/2020 hạn mức tín dụng thường xuyên là 70.000.000.000 đồng. Trong đó, giới hạn cho vay ngắn hạn, mở LC và bảo lãnh thanh toán tối đa là 60.000.000.000 đồng được chuyển tiếp từ các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể phát sinh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/8137625/HĐTDHM ngày 08/11/2018 giữa Chi nhánh và Ngân hàng sang. Mục đích để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/01/2021. Thời gian cho vay: được xác định theo từng hợp đồng cụ thể. Tài sản đảm bảo là tài sản trên đất tại địa chỉ Tòa nhà Vinaincon, số 5 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi tiền tệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	<b>550.000.000.000</b>	<b>(63.956.561)</b>	<b>134.504.038.893</b>	<b>684.440.082.332</b>
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	17.084.079.089	17.084.079.089
Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.613.000.000)	(2.613.000.000)
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi	-	114.322.105	-	114.322.105
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>550.000.000.000</b>	<b>50.365.544</b>	<b>148.975.117.982</b>	<b>699.025.483.526</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	10.488.858.471	10.488.858.471
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	(2.972.000.000)	(2.972.000.000)
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi	-	297.699.132	-	297.699.132
Tăng/(Giảm) khác	-	-	1	1
<b>Tại ngày 30/6/2020</b>	<b>550.000.000.000</b>	<b>348.064.676</b>	<b>156.491.976.454</b>	<b>706.840.041.130</b>

**Ghi chú:**

- (i) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020 với số tiền là 2.972.000.000 đồng.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	455.125.000.000	455.125.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	94.875.000.000	94.875.000.000
	<b>550.000.000.000</b>	<b>550.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	550.000.000.000	550.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	550.000.000.000	550.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d) Cổ phiếu**

	30/6/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	55.000.000	55.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	55.000.000	55.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	55.000.000	55.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	55.000.000	55.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	55.000.000	55.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

	30/6/2020	01/01/2020
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
USD	329,19	329,24
MMK	69.943.591	85.673.533



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	31.292.167.433	129.455.046.151
Doanh thu bán hàng hóa và doanh thu khác	127.972.067	76.700.386.386
	<b>31.420.139.500</b>	<b>206.155.432.537</b>
Trong đó:		
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 32)	<b>(64.216.269)</b>	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>31.420.139.500</b>	<b>206.155.432.537</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	27.897.642.812	119.595.209.776
Giá vốn bán hàng hóa và giá vốn khác	35.668.000	76.700.386.386
	<b>27.933.310.812</b>	<b>196.295.596.162</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.702.611.698	25.136.421
Cổ tức lợi nhuận được chia	9.425.787.000	17.199.531.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	177.612.640
	<b>19.128.398.698</b>	<b>17.402.280.561</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	26.701.644	90.246.575
	<b>26.701.644</b>	<b>90.246.575</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>14.650.265.794</b>	<b>12.930.354.106</b>
Chi phí nhân viên	8.703.551.549	7.794.863.540
Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý	78.340.552	184.376.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.371.584.009	1.394.448.168
Thuế, phí và lệ phí	48.575.658	611.624.950
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.382.238.179	1.648.777.512
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.065.975.847	1.296.263.266

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	10.833.860.296	8.945.694.201
Chi phí nhân công	11.385.476.899	11.853.023.451
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.374.387.169	1.381.639.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.612.196.296	110.928.309.586
Chi phí bằng tiền khác	6.525.653.474	8.585.531.172
	<b>47.731.574.134</b>	<b>141.694.197.751</b>

**28. THU NHẬP KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019
	VND	VND
Hoàn nhập trích trước chi phí Dự án Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng	1.919.176.200	-
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình - Dự án Thái Bình Yurtec	638.857.438	-
Cho thuê văn phòng	-	97.336.363
Thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	51.610.000	79.919.818
Thu nhập khác	-	37.621.932
	<b>2.609.643.638</b>	<b>214.878.113</b>

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019
	VND	VND
Các khoản khác	59.045.115	882.759.871
	<b>59.045.115</b>	<b>882.759.871</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	10.488.858.471	13.573.634.497
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Các khoản doanh thu không được khấu trừ	(9.425.787.000)	(17.199.531.500)
- <i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	(9.425.787.000)	(17.199.531.500)
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế năm trước chuyển sang	(1.063.071.471)	-
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	-	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	-	-

Trong kỳ, Tổng Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng tài sản. Đồng thời, hoạt động của Tổng Công ty chủ yếu diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019
	VND	VND
<b>Lãi cho vay</b>	<b>9.695.432.333</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	9.695.432.333	-
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>(64.216.269)</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	127.972.067	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	(192.188.336)	-
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ (không bao gồm thuế GTGT)</b>	<b>6.287.453.129</b>	<b>77.039.348.273</b>
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	-	76.700.396.393
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	(201.189.201)	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	-	338.951.880
Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất - Lắp Máy	35.668.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	24.566.330	-
Công ty Cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức	6.428.408.000	-
<b>Cổ tức lợi nhuận được chia</b>	<b>9.425.787.000</b>	<b>17.199.531.500</b>
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	1.560.000.000	1.768.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	1.552.155.000	1.552.155.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang	6.186.132.000	5.412.865.500
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	127.500.000	127.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	-	688.500.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức	-	6.542.382.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	-	432.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	-	517.293.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Công nghiệp và Dân dụng	-	158.836.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:*

	<u>30/6/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>15.242.500.976</b>	<b>14.213.016.808</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	1.429.971.884	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	21.636.950	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	592.695.000	1.014.819.666
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	8.485.617.811	8.485.617.811
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon	4.712.579.331	4.712.579.331
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>503.740.544</b>	<b>2.092.290.898</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	-	1.729.319.628
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	140.769.274	-
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon	362.971.270	362.971.270
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>356.966.622.004</b>	<b>352.458.083.404</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	4.521.058.913	4.482.262.913
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	688.500.000	688.500.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang	4.639.599.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hoá chất	13.844.892.847	13.844.892.847
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	3.114.860.245	3.114.860.245
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	127.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VINAINCON	161.566.205	161.566.205
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	319.917.275.046	321.595.040.951
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	6.009.300.844	5.973.401.860
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	16.744.000	14.823.479
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	432.000.000	-
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	1.560.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	517.293.000	517.293.000
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon	498.250.586	498.250.586
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới VINAINCON	917.781.318	1.567.191.318
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>30.066.765.743</b>	<b>30.221.693.600</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	6.337.342.780	6.473.783.028
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	66.643.005	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hoá chất	2.897.296.787	3.297.296.787
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	2.078.124.234	2.056.487.284
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức	5.971.248.800	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	11.879.657.708	17.563.479.851
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	5.805.779	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	789.194.170	789.194.170
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới VINAINCON	41.452.480	41.452.480
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>8.965.132.437</b>	<b>9.638.164.545</b>
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	8.955.861.916	9.638.164.545
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	9.270.521	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)***Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:*

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019
	VND	VND
Thu nhập, thù lao của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc	926.286.000	1.048.385.000
	<b>926.286.000</b>	<b>1.048.385.000</b>

**33. THÔNG TIN KHÁC**

Do ảnh hưởng của những biến động đối với tình hình kinh tế - xã hội, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Nhà nước là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán khác.




Trần Ngọc Tâm  
Người lập biểu



Đặng Quang Cường  
Trưởng ban Tài chính Kế toán



  
Đỗ Chí Nguyễn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2020